

BÁO CÁO

Thuyết minh, tiếp thu, giải trình các nội dung theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp

Căn cứ Báo cáo số 363/BC-STP ngày 25/10/2022 của Sở Tư pháp về Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo thuyết minh, tiếp thu, giải trình các nội dung theo thẩm định của Sở Tư pháp, như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

Điều h, khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: “*Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*”; điểm a, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi quy định: “*Vùng nuôi chim yến do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*”. Căn cứ quy định nêu trên, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết: “*Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:

Sở Tư pháp nhận thấy, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ, phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Nghị quyết và quy định của pháp luật.

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp

của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; dự thảo không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau đây:

3.1. Phần căn cứ ban hành Nghị quyết đề nghị bổ sung: “*Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi*” cho đầy đủ.

3.2. Theo dự kiến tại khoản 9 Điều 2 dự thảo khu vực không được chăn nuôi trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông là: “*Khu dân cư các thôn “Dọc tuyến đường Quốc lộ 40B từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đến hết đoạn đường 1 chiều”*”. Sở Tư pháp nhận thấy quy định trên là không cụ thể về khu vực không được chăn nuôi. Bên cạnh đó, các “*mốc*” để xác định khu vực không được chăn nuôi có thể nhanh chóng thay đổi⁽¹⁾. Vì vậy, để đảm tính minh bạch, ổn định của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được chăn nuôi trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông theo địa danh cụ thể⁽²⁾. Trường hợp chưa có địa danh cụ thể, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tham mưu quy định khu vực không được chăn nuôi đối với các khu cư dọc hai bên tuyến đường 40B theo vị trí của khu vực không được chăn nuôi so với điểm gốc của tuyến đường (*lý trình*).

3.3. Điều 3 dự thảo quy định “*Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này*”. Sở Tư pháp nhận thấy, dự kiến nêu trên không trái với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP thì vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến. Vì vậy, tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ vùng nuôi chim yến dự kiến nêu trên đã đáp ứng như thế nào đối với các điều kiện của vùng nuôi chim yến đã được Chính phủ quy định.

3.4. Để đảm bảo thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên gọi của Điều 4 là: “**Hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**”⁽³⁾ (*với tên gọi của Điều 4 như trên cũng sẽ phù hợp với đối tượng được hỗ trợ quy*

(1) Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có thể di dời đến địa điểm khác; đoạn đường 1 chiều có thể được kéo dài, rút ngắn hoặc không còn là đường 1 chiều.

(2) Tên thôn, khu dân cư cụ thể

(3) Tên các khoản của Điều 4 không thay đổi.

định tại khoản 1 Điều 4. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo không chỉnh lý tên gọi Điều 4 như trên, cần quy định rõ đối tượng được được hỗ trợ là “chủ cơ sở chăn nuôi trong khu vực...khi di dời cơ sở chăn nuôi ra ngoài khu vực không được phép chăn nuôi”).

3.5. Khoản 1 Điều 4 dự thảo dự kiến đối tượng được hỗ trợ là: “*Chủ cơ sở chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này; có kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại **Phụ lục III**, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT...*”. Cơ quan thẩm định nhận thấy, Phụ lục III Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT là biểu mẫu thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý. Nói cách khác, Phụ lục III Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT không quy định việc kê khai hoạt động chăn nuôi. Việc kê khai hoạt động chăn nuôi được quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính xác về đối tượng được hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được chăn nuôi. Bên cạnh đó đề nghị bỏ ký hiệu “;” tại khoản 1 Điều 4 để đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 4 không dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau.

3.6. Một trong các nguyên tắc hỗ trợ được dự kiến tại điểm b khoản 2 Điều 4 là “*Hỗ trợ đào tạo nghề đối với chủ cơ sở ngừng hoạt động chăn nuôi để chuyển đổi ngành nghề*” và tương ứng với nguyên tắc này là chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4. Sở Tư pháp nhận thấy, điểm h, khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách hỗ trợ khi cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi ngừng hoạt động để chuyển đổi ngành nghề⁽⁴⁾. Vì vậy, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuyết minh, làm rõ **cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn** để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định **chính sách hỗ trợ khi cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi ngừng hoạt động để chuyển đổi ngành nghề** dự kiến tại điểm b, khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 4 dự thảo.

3.7. Đoạn thứ 2 Điều 5 dự thảo dự kiến: “*...nhà yến, trang thiết bị sử dụng cho hoạt động nuôi chim yến **không phù hợp** tập tính hoạt động của chim yến thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nới và không được sử dụng loa phát âm thanh*”. Sở Tư pháp nhận thấy quy định trên là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có quy định xử lý đối với cơ sở nuôi chim yến không đáp ứng quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết nhưng đã hoạt động trước ngày quy định về vùng nuôi yến của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

⁽⁴⁾ Điểm h, khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi chỉ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách hỗ trợ **khi di dời** cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi mà không giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi.

3.8. Đối với quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi dự kiến tại Điều 2 dự thảo, trên cơ sở đề xuất của các địa phương, căn cứ quy định của pháp luật; tình hình, điều kiện thực tế hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; dự báo những tác động của quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất của đối tượng chịu sự tác động cũng như kinh tế - xã hội của địa phương, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, đảm bảo khi xác định khu vực không được phép chăn nuôi là hợp lý, tạo được sự đồng thuận cao của đối tượng chịu sự tác động của chính sách này.

Đối với mức hỗ trợ cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá, tổng hợp toàn diện đối tượng chịu sự tác động, mức độ thiệt hại của đối tượng chịu sự tác động để xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo tương xứng, tiệm cận được với mức độ thiệt hại; phù hợp với quy mô chăn nuôi của từng đối tượng chịu sự tác động, trong đó có thể xem xét đến khoảng cách di dời; tương thích với các chính sách hỗ trợ khác đã được địa phương quy định có tính chất tương đồng.

b) Về tiếp thu, giải trình:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với các nội dung trên và giải trình như sau:

- Tại mục 3.1, bổ sung: “*Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi*” : tiếp thu, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tại mục 3.2. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến của huyện Tu Mơ Rông tại Công văn số 1146/PNN ngày 25/10/2022 tại khoản 9 Điều 2 dự thảo khu vực không được chăn nuôi trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông như sau: Khu dân cư các thôn “*Dọc tuyến đường Quốc lộ 40B từ km 162+900 đến km 179 + 200.*”

- Tại mục 3.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Giải trình: Theo kết quả khảo sát và tình hình thực tế sản xuất của các cơ sở nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kon Tum đều phù hợp tập tính hoạt động của chim yến. Vì vậy, Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết là phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3.4. Tiếp thu, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tại mục 3.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tại mục 3.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và giải trình như sau:

- Đề tạo điều kiện cho các cơ sở chăn nuôi không di dời, ngừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi, đảm bảo về an sinh xã hội sau khi ngừng hoạt động chăn nuôi; vì việc ban hành chính sách hỗ trợ là cần thiết.

- Cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn đề xuất áp dụng theo điểm đ khoản 2 Điều 1, Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Tại mục 3.7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tại mục 3.8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) (của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn xem xét lại một số nội dung sau đây:

4.1. Một trong các chủ thể nhận văn bản tại phần Nơi nhận là: “*Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh*”. Tuy nhiên, trong thực tế không có chủ thể nói trên. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Điều 13 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để xác định đầy đủ cơ quan nhận văn bản.

4.2. Việc trình bày bố cục của văn bản đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁵⁾

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

⁽⁵⁾ Kiểu chữ của số thứ tự các khoản

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁶⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đảm bảo đối với các nội dung trên.

6. Một số vấn đề có liên quan

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

6.1. Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy định tại Mẫu số 01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP⁽⁷⁾.

6.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung các nội dung cần thuyết minh, làm rõ trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đã được cơ quan thẩm định trình bày tại Mục 3 của Báo cáo này.

6.3. Nội dung của Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ các giải pháp đề xuất trong mỗi chính sách, trong đó phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng; tác động về giới của chính sách; đồng thời, đảm bảo được sự tương thích, thống nhất của các giải pháp được lựa chọn với nội dung chính sách trong dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

7. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ý kiến của Sở Tư pháp:

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết

⁽⁶⁾ Theo trình bày tại Công văn số 3146/SNN-KH của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁽⁷⁾ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách là báo cáo của cơ quan, tổ chức trình văn bản. Trường hợp này là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách của Ủy ban nhân dân tỉnh mà không phải là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách của cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)* thì Báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải là báo cáo đã được cơ quan/người có thẩm quyền ký, ban hành mà không phải là dự thảo báo cáo.

hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*).

b) Về tiếp thu, giải trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Trên đây là báo cáo thuyết minh, tiếp thu, giải trình các nội dung theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**